TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KỲ SƠN
TỈNH NGHỆ AN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 17/2023/HNGĐ-ST
Ngày 24 tháng 02 năm 2023
V/v: *Tranh chấp hôn nhân và gia đình*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KỲ SƠN, TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Vi Thị Khuyên.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Vi Thị Khiểu;
2. Bà Thái Thị Ly.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hằng–Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An tham gia phiên toà*:** Ông Nguyễn Văn Lộc–Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 71/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2022 về "Tranh chấp về nuôi con, tài sản của nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2023/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lương Thị M, sinh năm 1979.

Nơi cư trú: Bản K3, xã P, huyện K, tỉnh Nghệ An; Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Kha Văn T, sinh năm 1980.

Nơi cư trú: Bản K3, xã P, huyện K, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại phiên tòa nguyên đơn chị Lương Thị M vắng mặt, tuy nhiện theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, chị M trình bày:

Về quan hệ tình cảm: Chị và anh Kha Văn T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1997, không đăng ký kết hôn tại UBND xã phường, thị trấn mà chỉ tổ chức lễ cưới, mời hai họ, anh em tới dự lễ cưới theo phong tục tại địa phương. Thời gian đầu chung sống tình cảm vợ chồng hạnh phúc, về sau thì giữa hai người bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T không quan tâm đến gia đình, có hành vi bạo lực gia đình. Chị M đã nhiều lần tha thứ bỏ qua nhưng anh T vẫn không thay đổi. Vợ chồng sống ly thân nhau từ năm 2021 đến nay. Hiện nay chị M không còn tình cảm với anh T nên không muốn tiếp tục chung sống đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận chị và anh Kha Văn T là vợ chồng.

Về con chung: Chị M và anh T có 02 con chung là cháu Kha Văn T1, sinh ngày 23/3/1998 và cháu Kha Văn H, sinh ngày 19/02/2002. Hiện nay cả 02 con chung đều đã trưởng thành và cháu Kha Văn T1 đã lập gia đình nên Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị M và anh T thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa bị đơn anh Kha Văn T vắng mặt, tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án, anh T trình bày:

Về quan hệ tình cảm: Anh T thừa nhận về thời điểm chung sống, phong tục, tập quán về việc chung sống đúng như chị M trình bày. Anh và chị M về sống chung thì cuộc sống hôn nhân của hai người diễn ra bình thường. về sau phát sinh mâu thuẫn như chị M trình bày. Nay chị M làm đơn ly hôn thì anh đồng ý vì giữa chị M và anh T không còn tình cảm với nhau, đề nghị Tòa án không công nhận anh và chị M là vợ chồng.

Về con chung: Anh và chị M có 02 con chung là cháu Kha Văn T1, sinh ngày 23/3/1998 và cháu Kha Văn H, sinh ngày 19/02/2002. Hiện nay cả 02 con chung đều đã trưởng thành và cháu Kha Văn T1 đã lập gia đình nên anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh T và chị M thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý đúng thẩm quyền, xác định quan hệ tranh chấp; Trong quá trình điều tra thu thập chứng cứ Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc thu thập chứng cứ, tống đạt đảm bảo quyền của đương sự. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo trình tự từ Điều 239 đến Điều 260 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của Thư ký phiên tòa được thực hiện đúng quy định tại Điều 51 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của đương sự: chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 9, 14 và 53 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

Về hôn nhân: Không công nhận chị Lương Thị M và anh Kha Văn T là vợ chồng.

Về con chung: Chị M và anh T có 02 con chung là cháu Kha Văn T1, sinh ngày 23/3/1998 và cháu Kha Văn H, sinh ngày 19/02/2002 nay con chung đều đã đủ tuổi trưởng thành và cháu Kha Văn T1 đã lập gia đình riêng nên không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Lương Thị M và anh Kha Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Chị Lương Thị M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn chị Lương Thị M yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận bà và anh Kha Văn T là vợ chồng có địa chỉ cư trú tại xã Phà Đánh, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An. Đây là tranh chấp hôn nhân gia đình về "Tranh chấp về nuôi con, tài sản của nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kỳ Sơn theo quy định tại khoản 7 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Sau khi thụ lý vụ kiện Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành tốt các quyết định của Tòa án. Nguyên đơn chị Lương Thị M và bị đơn anh Kha Văn T vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên việc việc giải quyết vụ án, xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định tại Điều 207 và Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là có căn cứ, đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ tình cảm chung sống với nhau như vợ chồng: Chị M và anh T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1997 đến nay, không đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền mà chỉ làm lễ cưới theo phong tục, tập quán của địa phương nên theo quy định của pháp luật về hôn nhân gia đình thì quan hệ giữa chị M và anh T không làm phát sinh quyền nghĩa vụ của vợ và chồng. Sau thời gian chung sống với nhau thì giữa hai người phát sinh nhiều nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T không quan tâm đến gia đình, có hành vi bạo lực gia đình. Chị M đã nhiều lần tha thứ bỏ qua nhưng anh T vẫn không thay đổi. Chị M và anh T sống ly thân nhau từ năm 2021 đến nay. Hiện nay chị M không còn tình cảm với anh T, không muốn tiếp tục duy trì cuộc sống chung. Xét thấy, việc chung sống, thời gian chung sống giữa chị M và anh T là đúng thực tế, nay có bên yêu cầu ly hôn nên căn cứ các Điều 9, 14 và Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình tuyên bố chị Lương Thị M và anh Kha Văn T không phải là vợ chồng.

[4] Về con chung: Chị Lương Thị M và anh Kha Văn T trong thời gian chung sống có 02 con chung là cháu Kha Văn T1, sinh ngày 23/3/1998 và cháu Kha Văn H, sinh ngày 19/02/2002. Hiện nay cả 02 cháu đều đã đủ tuổi trưởng thành và cháu Kha Văn T1 đã lập gia đình nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung và các khoản nợ chung: Chị Lương Thị M và anh Kha Văn T thống nhất không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Các đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về việc giải quyết toàn bộ vụ án là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần chấp nhận.

[7] Về án phí: Nguyên đơn chị Lương Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân gia đình;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Lương Thị M.

1. Về hôn nhân: Không công nhận chị Lương Thị M và anh Kha Văn T là vợ chồng.

2. Về án phí: Chị Lương Thị M phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004283 ngày 27/12/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An. (Chị M đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm).

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nghệ An
- VKSND huyện Kỳ Sơn;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Chi cục THADS huyện Kỳ Sơn;
- Lưu hồ sơ; VP.TA

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Vi Thị Khuyên